

**TỔNG CÔNG TY SX-XNK
BÌNH DƯƠNG – CTCP**
*BINH DUONG PRODUCING
AND TRADING CORPORATION*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Số: 21/BC-HĐQT
No.: 21/BC-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 07 năm 2026.
Ho Chi Minh City, July 27th 2026.

BÁO CÁO
REPORT

Tình hình quản trị công ty 06 tháng đầu năm 2026
Corporate Governance Situation for the First Six Months of 2026

Kính gửi / To:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / *State Securities Commission;*
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội / *Hanoi Stock Exchange.*

- Tên công ty: Tổng Công ty Sản xuất – Xuất Nhập Khẩu Bình Dương – Công ty Cổ phần.
Company Name: Binh Duong Producing and Trading Corporation
- Địa chỉ trụ sở chính: A128 đường 3-2, khu phố Đông Tư, phường Lái Thiêu, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Head Office Address: A128, 3-2 Street, Dong Tu Quarter, Lai Thieu Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại: (0274) 3755243; Email: info@protrade.com.vn.
Phone: (0274) 3755243; Email: info@protrade.com.vn.
- Vốn điều lệ: 3.000.000.000.000 VNĐ.
Charter Capital: VND 3,000,000,000,000.
- Mã chứng khoán: PRT.
Stock Code: PRT
- Mô hình quản trị công ty: Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
Corporate Governance Model: General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Supervisory Board, and General Director.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Chưa thực hiện.
Regarding the Implementation of Internal Audit Functions: Not yet implemented.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

I. Activities of the General Meeting of Shareholders

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông (“ĐHĐCĐ”) (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Information on Meetings and Resolutions/Decisions of the General Meeting of Shareholders (“GMS”) (including Resolutions of the General Meeting of Shareholders adopted in the form of written opinions):

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
1	16/NQ-ĐHĐCĐ 16/NQ-ĐHĐCĐ	29/06/2026 (Đại Hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026) 29/06/2026 (2026 Annual General Meeting of Shareholders)	(1) Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. <i>Approved the Report on the performance of the Board of Directors (“BOD”) in 2025 and its operational plan for 2026.</i> (2) Thông qua Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (TGD) về kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch năm 2026. <i>Approved the Report of the Board of Management on the 2025 business performance and the 2026 business plan.</i> (3) Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026. <i>Approved the Report on the activities of the Board of Supervisors in 2025 and its operational plan for 2026.</i> (4) Thông qua Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất đã được kiểm toán năm 2025. <i>Approved the audited separate and consolidated financial statements for 2025.</i> (5) Thông qua Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026. <i>Approved the Proposal on the</i>

STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content
			2025 profit distribution and the 2026 profit distribution plan. (6) Thông qua Tờ trình phê duyệt chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2026. <i>Approved the Proposal on the payment of remuneration to the Board of Directors and the Board of Supervisors for 2025 and the remuneration plan for 2026.</i> (7) Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2026. <i>Approved the Proposal on the selection of the audit firm for the 2026 financial statements.</i> (8) Thông qua Tờ trình thông qua các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP. <i>Approved the Proposal on the Internal Corporate Governance Regulations and the Regulations on the operation of the Board of Directors of Binh Duong Producing and Trading Corporation.</i> (9) Thông qua Tờ trình Báo cáo chiến lược kinh doanh và nguồn vốn của Tổng Công ty giai đoạn 2026-2030. <i>Approved the Proposal on the business strategy and capital resources of the Corporation for the 2026–2030 period.</i> (10) Thông qua Tờ trình thông qua chủ trương thay đổi địa chỉ trụ sở



STT No.	Số Nghị quyết /Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>
			của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP. <i>Approved the Proposal on the policy to change the head office address of Binh Duong Producing and Trading Corporation.</i> (11) Thông qua Tờ trình về việc miễn nhiệm và bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029. <i>Approved the Proposal on the dismissal and additional election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors for the 2024–2029 term.</i> (12) Thông qua Tờ trình thông qua nội dung của Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát của Tổng Công ty. <i>Approved the Proposal on the Regulations on nomination, candidacy and additional election of members of the Board of Directors and the Board of Supervisors of the Corporation.</i> (13) Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP. <i>Approved the Proposal on amendments and supplements to the Charter of Binh Duong Producing and Trading Corporation.</i>

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026)

II. Board of Directors (Report for the first six months of 2026)

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (“HĐQT”)

1. Information on Members of the Board of Directors (“BOD”)

STT No.	Thành viên HĐQT Board of Directors Member	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) Position (independent Board member, non- executive Board member)	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập Start/End Date of Board Membership/Independent Board Membership	
			Ngày bổ nhiệm Date appointment	Ngày miễn nhiệm Date dismissal
1	Ông Nguyễn An Định Mr. Nguyen An Dinh	Chủ tịch HĐQT chuyên trách Full-time Chairman of the Board of Directors	29/04/2024	
2	Ông Mai Hữu Tín Mr. Mai Huu Tin	Thành viên HĐQT không điều hành Non-executive Board Member	29/04/2024	
3	Ông Lê Trọng Nghĩa Mr. Le Trong Nghia	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc Member of the Board of Directors, General Director	29/04/2024	
4	Ông Trần Việt Anh Mr. Tran Viet Anh	Thành viên HĐQT không điều hành Non-executive Member of the Board of Directors	29/04/2024	
5	Ông Nguyễn Văn Thiện Mr. Nguyen Van Thien	Thành viên HĐQT không điều hành Non-executive Member of the Board of Directors	29/04/2024	29/06/2026
6	Ông Trần Chiến Công Mr. Tran Chien Cong	Thành viên HĐQT không điều hành Non-executive Member of the Board of Directors	29/06/2026	
7	Ông Trần Hồng Khôi Mr. Tran Hong Khoi	Thành viên HĐQT không điều hành Non-executive Member of the Board of Directors	29/04/2024	

1816
ÔNG T
:UẤT-
ÁP KH
DƯƠNG
IG TY
PHẦN
-T.BINH

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Board of Directors Member</i>	Chức vụ (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) <i>Position (independent Board member, non- executive Board member)</i>	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập <i>Start/End Date of Board Membership/Independent Board Membership</i>	
			Ngày bổ nhiệm <i>Date appointment</i>	Ngày miễn nhiệm <i>Date dismissal</i>
8	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc <i>Mr. Nguyen Van Hien Phuc</i>	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành <i>Independent Non- executive Member of the Board of Directors</i>	29/04/2024	

2. Các cuộc họp HĐQT:

2. Meetings of the BOD

STT No.	Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>	Số buổi họp HĐQT tham dự <i>Number of Board Meetings</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance Rate</i>	Lý do không tham dự họp / Ghi chú <i>Reason for Non- attendance / Notes</i>
1	Ông Nguyễn An Định <i>Mr. Nguyen An Dinh</i>	02/02	100%	
2	Ông Mai Hữu Tín <i>Mr. Mai Huu Tin</i>	01/02	50%	Vắng có ủy quyền <i>Absent with authorization</i>
3	Ông Lê Trọng Nghĩa <i>Mr. Le Trong Nghia</i>	02/02	100%	
4	Ông Trần Việt Anh <i>Mr. Tran Viet Anh</i>	01/02	50%	Vắng có ủy quyền <i>Absent with authorization</i>
5	Ông Nguyễn Văn Thiện <i>Mr. Nguyen Van Thien</i>	01/02	50%	Vắng có ủy quyền <i>Absent with authorization</i>
6	Ông Trần Chiến Công <i>Mr. Tran Chien Cong</i>	00/00		Bổ nhiệm TV.HĐQT ngày 29/06/2026 <i>Appointed as a member of the Board of Directors on 29/06/2026</i>
7	Ông Trần Hồng Khôi <i>Mr. Tran Hong Khoi</i>	02/02	100%	
8	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc	01/02	50%	Vắng không ủy quyền

	Mr. Nguyen Van Hien Phuc			Absent without authorization
--	-----------------------------	--	--	---------------------------------

Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã tổ chức thực hiện 02 phiên họp (gồm 01 phiên họp tập trung và 01 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản), có sự tham gia đầy đủ của Ban Kiểm soát theo đúng quy định.

During the first six months of 2026, the Board of Directors conducted two meetings (including one in-person meeting and one by written opinion), with full participation of the Supervisory Board as per regulations.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

3. Supervisory Activities of the BOD over the Board of Management:

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ vai trò chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua cơ chế họp định kỳ, báo cáo chuyên đề và các kênh giám sát thường xuyên, qua đó bảo đảm hoạt động quản lý, điều hành của Tổng Công ty được triển khai theo đúng định hướng, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

In the first six months of 2026, the Board of Directors fully executed its directive and supervisory roles over the Board of Management through regular meetings, specialized reports, and continuous monitoring channels, ensuring that the Corporation's management and operations were conducted in accordance with the strategic direction, legal regulations, and the Company Charter.

Công tác giám sát được thực hiện trên cơ sở các báo cáo định kỳ, đột xuất và nội dung trình tại các phiên họp Hội đồng quản trị, bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, thảo luận tập thể và quyết định theo đúng thẩm quyền. Trên cơ sở đó, Hội đồng quản trị kịp thời có ý kiến chỉ đạo, định hướng xử lý đối với các vấn đề phát sinh trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần nâng cao hiệu quả điều hành chung.

The supervisory work was based on periodic and ad-hoc reports and the content presented at Board of Directors meetings, ensuring principles of transparency, collective discussion, and decision-making within the authorized scope. Consequently, the Board of Directors promptly provided directives and guidance on addressing issues arising in business operations, contributing to improved overall management efficiency.

Ban Tổng Giám đốc cơ bản đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn, kinh nghiệm quản lý và tinh thần trách nhiệm, chủ động tổ chức triển khai nhiệm vụ, duy trì chế độ điều hành linh hoạt, kịp thời xử lý các vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động. Đồng thời, Ban Tổng Giám đốc đã chú trọng cải tiến quy trình làm việc, từng bước ứng dụng công nghệ trong quản lý nhằm nâng cao hiệu quả vận hành.

The Board of Management generally met the requirements for professional competence, management experience, and responsibility, proactively organizing task implementation, maintaining a flexible management regime, and promptly addressing issues arising in practical operations. Additionally, the Board of Management focused on improving work processes and gradually applying technology in management to



enhance operational efficiency.

Trên cơ sở phân cấp, ủy quyền theo Điều lệ và các quy chế nội bộ, Hội đồng quản trị đã giao Ban Tổng Giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời duy trì cơ chế kiểm tra, giám sát thông qua hệ thống báo cáo và việc tham gia trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Based on the delegation and authorization under the Charter and internal regulations, the Board of Directors authorized the Board of Management to independently decide on matters within their authority in business operations while maintaining a mechanism for inspection and supervision through the reporting system and direct participation in Board of Directors meetings when necessary.

Nhìn chung, trong 06 tháng đầu năm 2026, Ban Tổng Giám đốc đã nỗ lực thực hiện các nhiệm vụ được giao, cơ bản triển khai đầy đủ và kịp thời các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, góp phần duy trì ổn định hoạt động của Tổng Công ty trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức.

Overall, in the first six months of 2026, the Board of Management has endeavored to fulfill the assigned tasks, essentially implementing the resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders and the Board of Directors in a timely manner, contributing to maintaining the stability of the Corporation's operations amidst numerous difficulties and challenges.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có):

4. Activities of the Board of Directors' Committees (if any):

HĐQT Tổng Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc. Các thành viên HĐQT thực hiện nhiệm vụ của mình theo sự phân công của HĐQT.

The Corporation's Board of Directors has not established any subordinate committees. The Board members perform their duties as assigned by the Board of Directors.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026):

5. Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Report for the first six months of 2026):

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval Rate
1	Nghị quyết 14/NQ-HĐQT Resolution 14/NQ-HĐQT	28/04/2026 (Lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản lần 01 – năm 2026) 28/04/2026	(1) Thống nhất gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 chậm nhất đến ngày 30/06/2026. <i>Unanimously agreed to extend the deadline for holding the 2026 Annual General Meeting of</i>	100%

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval Rate
		(First written consultation of the board of directors in 2026)	Shareholders to no later than June 30, 2026. (2) Thống nhất ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị chuyên trách quyết định ngày tổ chức phiên họp Đại hội đồng cổ đông, ngày chốt danh sách cổ đông và các vấn đề có liên quan đến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026. Unanimously authorized the Chairman of the Board of Directors to decide the date of the General Meeting of Shareholders, the final registration date of shareholders, and matters related to the organization of the 2026 Annual General Meeting of Shareholders.	
2	Nghị quyết 15/NQ-HĐQT Resolution 15/NQ-HĐQT	05/06/2026 (Họp HĐQT lần 01 - năm 2026) 05/06/2026 (First board meeting in 2026)	(1) Thống nhất thông qua các nội dung, tài liệu trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2026. Approved the contents and documents to be submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders. (2) Thống nhất thông qua Quy chế người đại diện phần vốn của Tổng Công ty tại các doanh nghiệp của Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP. Approved the Regulations on representatives of the Corporation's contributed capital at enterprises of Binh Duong Producing and Trading Corporation. (3) Thống nhất thông qua Báo cáo quỹ lương thực hiện năm 2025 và kế hoạch quỹ lương 2026 của CB-CNV Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP.	100%



STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định <i>Resolution/ Decision No.</i>	Ngày <i>Date</i>	Nội dung <i>Content</i>	Tỷ lệ thông qua <i>Approval Rate</i>
			<i>Approved the report on the actual salary fund for 2025 and the 2026 salary fund plan for employees of Binh Duong Producing and Trading Corporation.</i> (4) Thống nhất thông qua Tờ trình thông qua việc thực hiện ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP và người có liên quan. <i>Approved the proposal on the execution of contracts and transactions between Binh Duong Producing and Trading Corporation and its related parties.</i> (5) Thống nhất thông qua Tờ trình cho phép thực hiện nghiên cứu phương án thoái vốn tại một số công ty thành viên. <i>Approved the proposal permitting the study of a divestment plan for certain member companies.</i> (6) Thống nhất thông qua Tờ trình tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổng Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu Bình Dương – CTCP. <i>Approved the proposal on the maximum foreign ownership ratio at Binh Duong Producing and Trading Corporation.</i>	

III. Ban kiểm soát (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026)

III. Supervisory Board (Report for the first six months of 2026)

1. Thông tin về thành viên Ban kiểm soát (BKS)

1. Information on Members of the Supervisory Board

STT No.	Thành viên BKS Member of the Supervisory Board	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/ Ngày không còn là thành viên BKS Start Date/ Date of Termination of Membership of the Supervisory Board		Trình độ chuyên môn Professional Qualifications
			Ngày bổ nhiệm Date appoint ment	Ngày miễn nhiệm Date dismissal	
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long Mr. Nguyen Ngoc Truong Long	Trưởng BKS Head of the Supervisory Board	29/04/2024	29/06/2026	Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Master of Business Administration
2	Bà Trần Ánh Ngọc Ms. Tran Anh Ngoc	Trưởng BKS Head of the Supervisory Board	29/06/2026		Cử nhân luật Bachelor of Law
3	Bà Trần Thị Tuyết Nga Ms. Tran Thi Tuyet Nga	Thành viên BKS Member of the Supervisory Board	29/04/2024		Cử nhân kinh tế Bachelor of Economics
4	Ông Lê Văn Minh Mr. Le Van Minh	Thành viên BKS Member of the Supervisory Board	29/04/2024		Cử nhân kinh tế Bachelor of Economics
5	Ông Cao Hoàng Đề Mr. Cao Hoang De	Thành viên BKS Member of the Supervisory Board	29/04/2024		Cử nhân kinh tế Bachelor of Economics

2. Cuộc họp của BKS:

STT No.	Thành viên BKS Member of the Supervisory Board	Số buổi họp tham dự Number of Meetings Attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance Rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting Rate	Lý do không tham dự họp/ Ghi chú Reason for Non- Attendance/Notes
1	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long Mr. Nguyen Ngoc Truong Long	02/02	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 29/06/2026 Dismissed on 29/06/2026
2	Bà Trần Ánh Ngọc Ms. Tran Anh Ngoc	00/00			Bổ nhiệm ngày 29/06/2026 Appointed on

STT No.	Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>	Số buổi họp tham dự <i>Number of Meetings Attended</i>	Tỷ lệ tham dự họp <i>Attendance Rate</i>	Tỷ lệ biểu quyết <i>Voting Rate</i>	Lý do không tham dự họp/ Ghi chú <i>Reason for Non- Attendance/Notes</i>
					29/06/2026
3	Bà Trần Thị Tuyết Nga <i>Ms. Tran Thi Tuyen Nga</i>	02/02	100%	100%	
4	Ông Lê Văn Minh <i>Mr. Le Van Minh</i>	02/02	100%	100%	
5	Ông Cao Hoàng Đề <i>Mr. Cao Hoang De</i>	02/02	100%	100%	

3. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông:

3. Supervisory activities of the Supervisory Board towards the Board of Directors, Board of Management, and shareholders

+ Đối với nội dung giám sát HĐQT:

+ *Regarding the supervision of the Board of Directors:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, HĐQT đã tổ chức thực hiện 02 phiên họp HĐQT, trong đó có 01 phiên họp tập trung và 01 phiên lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản. Ban hành 02 Nghị quyết.

In the first six months of 2026, the Board of Directors organized two Board meetings, including one focused meeting and one written consultation of Board members. Two resolutions were issued.

Nội dung chủ yếu về tình hình sản xuất kinh doanh; Quy chế quản lý; Quy chế tài chính, công tác tổ chức đại hội thường niên năm 2026, nhân sự HĐQT, BKS và quyết định một số vấn đề về kinh doanh, giao dịch cần có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

The primary content concerned business operations; management regulations; financial regulations, organization of the 2026 Annual General Meeting, personnel of the Board of Directors, Supervisory Board, and decisions on certain business transactions requiring Board approval.

+ Đối với nội dung giám sát Ban Tổng giám đốc, Ban Điều hành:

+ *Regarding the supervision of the Board of Management:*

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT và chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh. Về cơ bản đã thực hiện đầy đủ, kịp thời các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

In the first six months of 2026, the Board of Management made significant efforts in implementing the resolutions and decisions of the Board of Directors and directing

business operations. Essentially, the resolutions and decisions of the Board of Directors were fully and promptly executed.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

4. Coordination between the Supervisory Board and the activities of the Board of Directors, Board of Management, and other management personnel:

Trong 06 tháng đầu năm 2026, Ban kiểm soát, HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong hoạt động. Các cuộc họp của HĐQT đều mời Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát tham dự, đóng góp ý kiến, Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành được cung cấp đầy đủ, kịp thời cho Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý Tổng Công ty đã tạo điều kiện làm việc và cung cấp đủ thông tin tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát.

In the first six months of 2026, the Supervisory Board, Board of Directors, and Board of Management closely coordinated their activities. Meetings of the Board of Directors invited the Board of Management and Supervisory Board to attend and contribute opinions. Resolutions and decisions of the Board of Directors were provided fully and promptly to the Supervisory Board and Board of Management. The Board of Directors, Board of Management, and other management personnel of the Corporation facilitated work and provided necessary information and documents for the Supervisory Board's inspection and supervision.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát (nếu có):

5. Other Activities of the Supervisory Board (if any):

Không có.

None.

IV. Ban Điều hành

IV. Board of Management

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Member of the Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of Birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualifications</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of Appointment/ Dismissal of Board of Management</i>
1	Ông Nguyễn An Định <i>Mr. Nguyen An Dinh</i>	27/07/1977	Cử nhân kinh tế - tài chính tín dụng <i>Bachelor of Economics - Finance and Credit</i>	29/04/2024

8166
NG TY
UẤT-
ÁP KH
DƯƠNG
IG TY
PHẦN
N-T.BÌNH

STT No.	Thành viên Ban điều hành <i>Member of the Board of Management</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of Birth</i>	Trình độ chuyên môn <i>Professional Qualifications</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành <i>Date of Appointment/ Dismissal of Board of Management</i>
2	Ông Lê Trọng Nghĩa <i>Mr. Le Trong Nghia</i>	27/09/1990	Cử nhân tài chính- Thạc sĩ QTKD <i>Bachelor of Finance - Master of Business Administration</i>	29/04/2024
3	Ông Huỳnh Hữu Hùng <i>Mr. Huynh Huu Hung</i>	27/03/1979	Kỹ sư xây dựng <i>Civil Engineer</i>	01/06/2025
4	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng <i>Ms. Nguyen Thi Kim Phuong</i>	14/01/1988	Thạc sĩ Kế toán <i>Master of Accounting</i>	01/01/2022
5	Ông Nguyễn Minh Triết <i>Mr. Nguyen Minh Triet</i>	30/03/1993	Cử nhân QTKD <i>Bachelor of Business</i>	01/01/2025
6	Bà Lê Thị Thanh Thủy <i>Ms. Le Thi Thanh Thuy</i>	12/04/1988	Cử nhân luật <i>Bachelor of Law</i>	01/01/2022
7	Ông Nguyễn Lương Tâm <i>Mr. Nguyen Luong Tam</i>	16/04/1979	Kỹ sư xây dựng <i>Civil Engineer</i>	01/01/2026

V. Kế toán trưởng

V. Chief Accountant

Họ và tên <i>Full name</i>	Ngày tháng năm sinh <i>Date of Birth</i>	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ <i>Professional Qualifications</i>	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm <i>Date of Appointment/ Dismissal</i>
Bà Nguyễn Thị Kim Phượng <i>Ms. Nguyen Thi Kim Phuong</i>	14/01/1988	Thạc sĩ Kế toán <i>Master of Accounting</i>	01/01/2022

VI. Đào tạo về quản trị công ty

VI. Training course on Corporate Governance

Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý khác của Tổng Công ty đã hoàn thành khóa đào tạo về quản trị công ty vào năm 2018.

Members of the Board of Directors, Supervisory Board, Board of Management, and other management personnel of the Corporation completed corporate governance training in 2018.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026) và giao dịch của người có liên quan của Tổng Công ty với chính Tổng Công ty

VII. The list of affiliated persons of the public company (Report for the first six months of 2026) and Transactions of affiliated persons of the Company

1. Danh sách về người có liên quan của Tổng Công ty:

1. The list of affiliated persons of the Company:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
1	Nguyễn An Định <i>Nguyen An Dinh</i>		Chủ tịch HĐQT <i>Chairman of the Board of Directors</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>
2	Mai Hữu Tín <i>Mai Huu Tin</i>		TV HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
3	Lê Trọng Nghĩa <i>Le Trong Nghia</i>		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc <i>Member of the Board of Directors, General Director</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>
4	Trần Việt Anh <i>Tran Viet Anh</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>
5	Nguyễn Văn Thiển <i>Nguyen Van Thien</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			29/04/2024	29/06/2026	Miễn nhiệm <i>Dismissed from office</i>	Người nội bộ <i>Insider</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
6	Trần Chiến Công <i>Tran Chien Cong</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			29/06/2026			Người nội bộ <i>Insider</i>
7	Trần Hồng Khôi <i>Tran Hong Khoi</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>
8	Nguyễn Văn Hiền Phúc <i>Nguyen Van Hien Phuc</i>		TV Độc lập HĐQT <i>Independent Member of the Board of Directors</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
9	Nguyễn Ngọc Trường Long <i>Nguyen Ngoc Truong Long</i>		Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>			29/04/2024	29/06/2026	Miễn nhiệm <i>Dismissed from office</i>	Người nội bộ <i>Insider</i>
10	Trần Ánh Ngọc <i>Tran Anh Ngoc</i>		Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>			29/06/2026			Người nội bộ <i>Insider</i>
11	Trần Thị Tuyết Nga <i>Tran Thi Tuyet Nga</i>		Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch CK Securities Trading Account	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) Position at the Corporation (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp ID Card No., Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Start Date as Related Person	Thời điểm không còn là người có liên quan End Date as Related Person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty Relationship with the Corporation
12	Lê Văn Minh Le Van Minh		Thành viên BKS Member of the Supervisory Board			29/04/2024			Người nội bộ Insider
13	Cao Hoàng Đề Cao Hoang De		Thành viên BKS Member of the Supervisory Board			29/04/2024			Người nội bộ Insider
14	Huỳnh Hữu Hùng Huynh Huu Hung		Phó Tổng Giám đốc Deputy General Director			01/06/2025			Người nội bộ Insider
15	Nguyễn Minh Triết Nguyen Minh Triet		Giám đốc Tài chính Chief Financial Officer			01/01/2025			Người nội bộ Insider

0148
NG CỘNG
SẢN XU
ẤT NHÀ
BÌNH D
CỘNG
CỐ P
TUÂN AN

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch CK Securities Trading Account	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) Position at the Corporation (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp ID Card No., Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Start Date as Related Person	Thời điểm không còn là người có liên quan End Date as Related Person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty Relationship with the Corporation
16	Nguyễn Thị Kim Phương Nguyen Thi Kim Phuong		Kế toán trưởng Chief Accountant			01/01/2022			Người nội bộ Insider
17	Lê Thị Thanh Thủy Le Thi Thanh Thuy		Người Phụ trách Quản Trị TCTY kiêm Thư ký HĐQT kiêm GD Pháp Lý Person in Charge of Corporate Governance of the Corporation cum Secretary of the Board of Directors cum Legal Director			29/04/2024			Người nội bộ Insider

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
18	Huỳnh Quốc Huy <i>Huynh Quoc Huy</i>		Người được ủy quyền CBTT <i>Authorized Representative for Information Disclosure</i>			29/04/2024			Người nội bộ <i>Insider</i>
19	Giang Quốc Dũng <i>Giang Quoc Dung</i>					25/06/2025			Người đại diện pháp luật công ty mẹ <i>Legal Representative of the Parent Company</i>
20	Nguyễn Tấn Hùng <i>Nguyen Tan Hung</i>					29/04/2024			Người đại diện pháp luật công ty con <i>Legal Representative of the Subsidiary</i>
21	Nguyễn Phước Lộc <i>Nguyen Phuoc Loc</i>					29/04/2024			Người đại diện pháp luật công ty con <i>Legal Representative of the Subsidiary</i>

166.
IG TY
IAT-
P KH
JONG
3 TY
HÂN
-T.BIN

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
22	Phan Văn Tinh <i>Phan Van Tinh</i>					22/11/2024			Người đại diện pháp luật công ty con <i>Legal Representative of the Subsidiary</i>
23	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương <i>Binh Duong Project Investment and Management Company Limited</i>					01/11/2018			Công ty mẹ <i>Parent Company</i>
24	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade <i>Protrade International One Member Company Limited</i>					01/11/2018			Công ty con <i>Subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/I ndividual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
25	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú <i>Vinh Phu Paper Company Limited</i>					01/11/2018			Công ty con <i>Subsidiary</i>
26	Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé <i>Palm - Song Be Golf Company Limited</i>					01/11/2018			Công ty con <i>Subsidiary</i>
27	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào <i>Dau Tieng Viet Lao Rubber Joint Stock Company</i>					01/11/2018			Công ty con <i>Subsidiary</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
28	Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An <i>Thuan An General Trading Joint Stock Company</i>					01/11/2018			Công ty con <i>Subsidiary</i>
29	KP Apparel Manufacturing Co.LTD					01/11/2018			Công ty con <i>Subsidiary</i>
30	Công ty CP May Mặc Bình Dương <i>Protrade Garment Joint Stock Company</i>					01/11/2018			Công ty con <i>Subsidiary</i>
31	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành <i>Tan Thanh Investment & Development Joint Stock Company</i>					01/11/2018			Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture and Associated Companies</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
32	Công ty TNHH YCH-Protrade <i>YCH-Protrade Company Limited</i>					01/11/2018			Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture and Associated Companies</i>
33	Công ty TNHH FrieslandCampina Việt Nam <i>FRIESLANDCAMPINA Vietnam Company Limited</i>					01/11/2018			Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture and Associated Companies</i>
34	Công ty CP Hưng Vượng <i>Prosper Joint Stock Company</i>					01/11/2018			Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture and Associated Companies</i>



STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>ID Card No., Date of Issue, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Start Date as Related Person</i>	Thời điểm không còn là người có liên quan <i>End Date as Related Person</i>	Lý do <i>Reason</i>	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty <i>Relationship with the Corporation</i>
35	Công ty CP Phát triển Phú Mỹ <i>Phu My Development Joint Stock Company</i>					29/04/2024			Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture and Associated Companies</i>
36	Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc <i>Hanh Phuc International Multi-Specialty Hospital Joint Stock Company</i>					01/11/2018			Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture and Associated Companies</i>
37	Tỉnh Ủy Bình Dương (cũ) <i>Former Binh Duong Provincial Party Committee</i>					01/11/2018			Chủ sở hữu công ty mẹ <i>Parent Company Owner</i>

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Tài khoản giao dịch CK Securities Trading Account	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) Position at the Corporation (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp ID Card No., Date of Issue, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Start Date as Related Person	Thời điểm không còn là người có liên quan End Date as Related Person	Lý do Reason	Mối quan hệ liên quan với Tổng Công ty Relationship with the Corporation

2. Giao dịch giữa Tổng Công ty với người có liên quan của Tổng Công ty; hoặc giữa Tổng Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

2. Transactions between the Corporation and related parties of the Corporation; or between the Corporation and major shareholders, insiders, and related parties of insiders:

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/Individual	Mối quan hệ với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH NSH Certificate Number	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ Registered Office Address / Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction Time with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT thông qua (nếu có) Resolution/ Decision Number of the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any)	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị giao dịch (VNĐ) Content, Quantity, Total Transaction Value (VND)	Ghi chú Notes
01	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương Binh Duong Project Investment and Management Company Limited	Công ty mẹ Parent company					(1). Phải thu ngắn hạn khác cuối kỳ: 409.051.833 (1). Other short-term receivables at the end of the period: 409,051,833 (2). Phải trả người bán ngắn hạn khác cuối kỳ: 1.066.326.570 (2) Other short-term trade payables at the end of the period: 1,066,326,570 (3). Mua hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ: 969.387.791 (3) Purchases of goods and	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Mối quan hệ với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH <i>NSH Certificate Number</i>	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address / Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Transaction Time with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT thông qua (nếu có) <i>Resolution/ Decision Number of the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any)</i>	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị giao dịch (VNĐ) <i>Content, Quantity, Total Transaction Value (VND)</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
							services during the period: 969,387,791	
02	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade <i>Protrade International One Member Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>					(1). Nhận cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh trong kỳ: 108.563.900.678 (1) Dividends and distributed profits received during the period: 108,563,900,678 (2). Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ: 1.762.684.930 (2) Interest expenses incurred during the period: 1,762,684,930 (3). Hoàn trả nợ vay trong kỳ: 90.000.000.000 (3) Repayment of borrowings during the period: 90,000,000,000 (4). Hoàn trả lãi vay trong kỳ: 33.691.589.047 (4) Repayment of loan interest during the period: 33,691,589,047	
03	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú <i>Vĩnh Phú Paper Company Limited</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>					(1). Phải trả ngắn hạn khác cuối kỳ: 4.137.534.246 (1) Other short- term payables at the end of the period: 4,137,534,246 (2). Phải trả nợ vay ngắn hạn	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/ Individual	Mối quan hệ với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH NSH Certificate Number	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ Registered Office Address / Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction Time with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT thông qua (nếu có) Resolution/ Decision Number of the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any)	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị giao dịch (VND) Content, Quantity, Total Transaction Value (VND)	Ghi chú Notes
							cuối kỳ: 54.000.000.000 (2) Short-term borrowings payable at the end of the period: 54,000,000,000	
04	Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé Palm - Song Be Golf Company Limited	Công ty con Subsidiary					(1). Mua hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ: 1.208.779.347 (1) Purchases of goods and services during the period: 1,208,779,347 (2). Chi phí lãi vay phát sinh trong kỳ: 1.903.671.233 (2) Interest expenses incurred during the period: 1,903,671,233 (3). Hoàn trả nợ vay trong kỳ: 46.000.000.000 (3) Repayment of borrowings during the period: 46,000,000,000 (4). Phải trả người bán ngắn hạn cuối kỳ: 413.006.439 (4) Short-term trade payables at the end of the period: 413,006,439 (5). Phải trả ngắn hạn khác cuối kỳ: 16.411.108.847 (5) Other short- term payables at	

1148
CÔNG
XUẤT
NHẬP
DƯỚI
NG TỶ
PHẦN
N-T.B.V

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Mối quan hệ với công ty <i>Relationship with the Company</i>	Số Giấy NSH <i>NSH Certificate Number</i>	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address / Contact Address</i>	Thời điểm giao dịch với công ty <i>Transaction Time with the Company</i>	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT thông qua (nếu có) <i>Resolution/ Decision Number of the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any)</i>	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị giao dịch (VND) <i>Content, Quantity, Total Transaction Value (VND)</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
							the end of the period: 16,411,108,847 (6). Phải trả nợ vay ngắn hạn cuối kỳ: 24,000,000,000 (6) Short-term borrowings payable at the end of the period: 24,000,000,000 (7). Giao dịch phát sinh trong kỳ (bản giao chi phí, thu chi hộ): 6.130.249.464 (7) Transactions incurred during the reporting period (cost transfers and collections disbu rsements made on behalf of related parties): 6,130,249,464	
05	Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An <i>Thuan An General Trading Joint Stock Company</i>	Công ty con <i>Subsidiary</i>					(1). Mua hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ: 284.807.720 (1) Purchases of goods and services during the period: 284,807,720 (2). Phải trả người bán ngắn hạn cuối kỳ: 46.878.240 (2) Short-term trade payables at the end of the period: 46,878,240 (3). Thu chi hộ phát sinh trong kỳ: 2.154.600	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/ Individual	Mối quan hệ với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH NSH Certificate Number	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ Registered Office Address / Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction Time with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT thông qua (nếu có) Resolution/ Decision Number of the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any)	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị giao dịch (VNĐ) Content, Quantity, Total Transaction Value (VND)	Ghi chú Notes
							(3). Receipts and payments on behalf during the reporting period: 2,154,600	
06	KP Apparel Manufacturing Co.LTD	Công ty con Subsidiary					(1). Phải trả ngắn hạn khác cuối kỳ: 87.156.256.465 (1) Other short-term payables at the end of the period: 87,156,256,465	
07	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào Dau Tieng Viet Lao Rubber Joint Stock Company	Công ty con Subsidiary					(1) Phải thu về cổ tức: 42.420.000.000 (1) Dividend receivable: 42,420,000,000	
08	Công ty CP Đầu Tư & Phát Triển Tân Thành Tan Thanh Investment & Development Joint Stock Company	Công ty liên doanh - liên kết Joint venture/ associate					(1). Phải thu về cho vay cuối kỳ: 84.347.102.061 (1) Loan receivables at the end of the period: 84,347,102,061 (2). Thu hồi nợ vay trong kỳ: 8.000.000.000 (2) Loans collected during the period: 8,000,000,000 (3). Phải thu ngắn hạn khác cuối kỳ: 220.758.164.350	

166-
TY
T-
CHAU
NG
I
NH DUY

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/ Individual	Mối quan hệ với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH NSH Certificate Number	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ Registered Office Address / Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction Time with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT thông qua (nếu có) Resolution/ Decision Number of the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any)	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị giao dịch (VND) Content, Quantity, Total Transaction Value (VND)	Ghi chú Notes
							(3) Other short-term receivables at the end of the period: 220,758,164,350 (4). Mua hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ: 9.665.632 (4) Purchases of goods during the period: 9,665,632	
09	Công ty CP Phát triển Phú Mỹ Phu My Development Joint Stock Company	Công ty liên doanh - liên kết Joint venture/ associate					(1). Mua hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ: 6.923.024 (1) Purchases of goods during the period: 6,923,024 (2). Phải trả người bán ngắn hạn cuối kỳ: 3.392.336 (2) Short-term trade payables at the end of the period: 3,392,336 (3). Thu chi hộ phát sinh trong kỳ: 2.154.600 (3). Receipts and payments on behalf during the reporting period: 2,154,600	
10	Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc Hạnh Phúc International Multi-Specialty Hospital Joint Stock Company	Công ty liên doanh - liên kết Joint venture/ associate					(1). Mua hàng hóa dịch vụ phát sinh trong kỳ: 200.370.000 (1) Purchases of goods and services during the period: 200,370,000	

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of Organization/ Individual	Mối quan hệ với công ty Relationship with the Company	Số Giấy NSH NSH Certificate Number	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ Registered Office Address / Contact Address	Thời điểm giao dịch với công ty Transaction Time with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐ QT thông qua (nếu có) Resolution/ Decision Number of the General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any)	Nội dung, số lượng, Tổng giá trị giao dịch (VNĐ) Content, Quantity, Total Transaction Value (VND)	Ghi chú Notes
11	Tỉnh Ủy Bình Dương (cũ) Former Binh Duong Provincial Party Committee	Chủ sở hữu công ty mẹ Owner of the parent company					(1). Phải trả ngắn hạn khác cuối kỳ: 477.653.999.767 (1) Other short- term payables at the end of the period: 477,653,999,767	
12	Công ty CP May Mặc Bình Dương Protrade Garment Joint Stock Company						(1). Thu chi hộ phát sinh trong kỳ: 2.154.600 (1). Receipts and payments on behalf during the reporting period: 2,154,600	

3. Giao dịch giữa người nội bộ Tổng Công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát:

3. Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power:

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Position at the Listed Company</i>	Số CMND/ Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID/Passport Number Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ <i>Address</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Transaction</i>	Nội dung, số lượng, số tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, Quantity, Total Transaction Value</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào <i>Dau Tieng Viet Lao Rubber Joint Stock Company</i>	Ông Nguyễn An Đĩnh là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Nguyen An Dinh is the Chairman of the Board of Directors</i> Ông Huỳnh Hữu Hùng là Thành viên HĐQT <i>Mr. Huynh Huu Hung is a Member of the Board of Directors</i> Bà Nguyễn Thị Kim Phượng là Trưởng BKS <i>Ms. Nguyen Thi Kim Phuong is the Head of the Supervisory Board</i> Ông Nguyễn Minh Triết là Thành viên BKS <i>Mr. Nguyen Minh Triet is a Member of the Supervisory Board</i>				Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade <i>Protrade International One Member Company Limited</i>	18/06/2026 <i>June 18, 2026</i>	420.000.000 VNĐ	Khoản phải thu về cổ tức lợi nhuận được chia theo Nghị quyết ngày 18 tháng 06 năm 2026 <i>Dividend receivable pursuant to the Resolution dated 18 June 2026</i>

4. Giao dịch giữa Tổng Công ty với các đối tượng khác

4. Transactions between the Corporation and other entities

4.1. Giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong

thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo):

4.1. *Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting):*

Không có giao dịch.

No transactions.

4.2. Giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành:

4.2. *Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO):*

Không có giao dịch.

No transactions

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác:

4.3. *Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers:*

Không có giao dịch.

No transactions.

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 06 tháng đầu năm 2026):

VIII. Transactions of shares by insiders and related parties of insiders (Report for the first six months of 2026):

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

1. List of insiders and related parties of insiders:

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân Name of Organization/ Individual	Tài khoản giao dịch CK Securities Trading Account	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) Position at the Corporation (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Registered Office Address/ Contact Address	Số CP sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at the End of the Period	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ Shareholding Ratio at the End of the Period	Ghi chú Notes
1.	Nguyễn An Đình Nguyen An Dinh		Chủ tịch HĐQT Chairman of the Board of Directors			-	0%	-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1.1	Nguyễn Thị Ước <i>Nguyen Thi Uoc</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>
1.2	Lương Giang Hồng Hà <i>Luong Giang Hong Ha</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
1.3	Nguyễn An Minh <i>Nguyen An Minh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
1.4	Nguyễn An Nam <i>Nguyen An Nam</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1.5	Nguyễn Ngọc An Nhiên <i>Nguyen Ngoc An Nhon</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
1.6	Nguyễn Thị Huyền <i>Nguyen Thi Huyen</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Elder sister</i>
1.7	Nguyễn Thị An Duyên <i>Nguyen Thi An Duyen</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Elder sister</i>
1.8	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade <i>Protrade International One Member Company Limited</i>					-	0%	Ông Nguyễn An Định là Chủ tịch HĐTV <i>Mr. Nguyen An Dinh is the Chairman of the Members' Council</i>

810
NG
UẤT
ÁP
DƯC
IG T
PHÁ
N-T

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1.9	Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé <i>Palm - Song Be Golf Company Limited</i>					-	0%	Ông Nguyễn An Định là Chủ tịch HĐTV <i>Mr. Nguyen An Dinh is the Chairman of the Members' Council</i>
1.10	Công ty CP May Mặc Bình Dương <i>Protrade Garment Joint Stock Company</i>					-	0%	Ông Nguyễn An Định là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Nguyen An Dinh is the Chairman of the Board of Directors</i>
1.11	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào <i>Dau Tieng Viet Lao Rubber Joint Stock Company</i>					-	0%	Ông Nguyễn An Định là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Nguyen An Dinh is the Chairman of the Board of Directors</i>
1.12	Công ty TNHH FrieslandCamp ina Việt Nam <i>FRIESLANDC AMPINA Vietnam Company Limited</i>					-	0%	Ông Nguyễn An Định là Chủ tịch HĐTV <i>Mr. Nguyen An Dinh is the Chairman of the Members' Council</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
1.13	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương <i>Binh duong Project Investment and Management Company Limited</i>					182.927.400	60.9758%	Ông Nguyễn An Định là Phó TGD <i>Mr. Nguyen An Dinh is the Deputy General Director</i>
2.	Mai Hữu Tín <i>Mai Huu Tin</i>		TV HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			-	0%	-
2.1	Từ Thị Bích Phượng <i>Tu Thi Bích Phuong</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
2.2	Mai Ngọc Nhân <i>Mai Ngoc Nhan</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
2.3	Mai Ngọc Hào <i>Mai Ngoc Hao</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
2.4	Mai Hữu Mỹ <i>Mai Huu My</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Elder Brother</i>
2.5	Vương Thị Kim Liên <i>Vuong Thi Kim Lien</i>		-			-	0%	Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
2.6	Mai Hữu Trọng <i>Mai Huu Trong</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
2.7	Trần Kim Thái <i>Tran Kim Thai</i>		-			-	0%	Em dâu <i>Younger Sister- in-law</i>
2.8	Mai Thanh Tuyền <i>Mai Thanh Tuyen</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Brother</i>
2.9	Vũ Xuân Dương <i>Vu Xuan Duong</i>		-			-	0%	Em rể <i>Brother-in-law</i>
2.10	Công ty Cổ phần Đầu Tư U&I <i>U&I Investment Corporation</i>		-			18.000.000	6%	Ông Mai Hữu Tín là Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ <i>Mr. Mai Huu Tin is the Chairman of the Board of</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
								<i>Directors cum General Director</i>
2.11	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trương Thành <i>Truong Thanh Furniture Corporation</i>		-			0	0%	Ông Mai Hữu Tín là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Mai Huu Tin is the Chairman of the Board of Directors</i>
2.12	Công ty Cổ phần Logistics U&I <i>U&I Logistics Corporation</i>					0	0%	Ông Mai Hữu Tín là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Mai Huu Tin is the Chairman of the Board of Directors</i>
2.13	Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận <i>Phu Nhuan Jewelry Joint Stock Company</i>					0	0%	Ông Mai Hữu Tín là Thành viên độc lập HĐQT <i>Mr. Mai Huu Tin is an Independent Member of the Board of Directors</i>
3.	Lê Trọng Nghĩa <i>Le Trong Nghia</i>		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc <i>Member of the Board of Directors, General Director</i>			-	0%	-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
3.1	Lê Tuấn Kiệt <i>Le Tuan Kiet</i>		-			-	0%	Cha ruột <i>Biological Father</i>
3.2	Phạm Thanh Kiều <i>Pham Thanh Kieu</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>
3.3	Lê Diễm Khánh <i>Le Diem Khanh</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
3.4	Lê Trác Ngọc <i>Le Trac Ngoc</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
3.5	Lê Trác Quân <i>Le Trac Quan</i>		-			-	0%	Con ruột

1001
ÔNG O
SẢN >
ẤT NH
BÌNH D
CÔN
CỐ P
AN AN-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
								<i>Biological Child</i>
3.6	Lê Trọng Nhân <i>Le Trong Nhan</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Biological Brother</i>
3.7	Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé <i>Palm - Song Be Golf Company Limited</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Lê Trọng Nghĩa là Thành viên HĐQT <i>Mr. Le Trong Nghia is a Member of the Members' Council</i>
3.8	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade <i>Protrade International One Member Company Limited</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Lê Trọng Nghĩa là Thành viên HĐQT <i>Mr. Le Trong Nghia is a Member of the Members' Council</i>
3.9	Công ty CP May Mặc Bình Dương <i>Protrade Garment Joint</i>		Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture - Affiliate</i>			-	0%	Ông Lê Trọng Nghĩa là Trưởng BKS <i>Mr. Le Trong Nghia is Head of the</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	<i>Stock Company</i>							<i>Supervisory Board</i>
3.10	Công ty TNHH YCH- Protrade YCH - Protrade Company Limited		Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture - Affiliate</i>			-	0%	Ông Lê Trọng Nghĩa là Thành viên HĐQT <i>Mr. Le Trong Nghia is a Member of the Members' Council</i>
3.11	Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An <i>Thuan An General Trading Joint Stock Company</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Lê Trọng Nghĩa là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Le Trong Nghia is the Chairman of the Board of Directors</i>
4.	Trần Việt Anh <i>Tran Viet Anh</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			-	0%	-

4816
ÔNG T
UẤT-
ÁP KH
UONG
3 TY
HÂN
T. BÌNH

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
4.1	Trần Bá Chức <i>Tran Ba Chuc</i>		-			-	0%	Cha ruột <i>Biological Father</i>
4.2	Nguyễn Thị Thu Ngọc <i>Nguyen Thi Thu Ngoc</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>
4.3	Hà Thị Liên <i>Ha Thi Lien</i>		-			-	0%	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
4.4	Phương Thanh Nhưng <i>Phuong Thanh Nhưng</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
4.5	Trần Phương Thành <i>Tran Phuong Thanh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
4.6	Trần Phương Thảo <i>Tran Phuong Thao</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
4.7	Trần Phương Phuong <i>Tran Phuong Phuong</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
4.8	Trần Việt Hà <i>Tran Viet Ha</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sibling</i>
4.9	Trần Thị Kiều Trang <i>Tran Thi Kieu Trang</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger sibling</i>
4.10	Phan Tấn Đạt <i>Phan Tan Dat</i>		-			-	0%	Em rể <i>Brother-in-law</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
4.11	Nguyễn Thị Thu Hương <i>Nguyen Thi Thu Huong</i>		-			-	0%	Em dâu <i>Sister-in-law</i>
4.12	Công ty CP SAM Holdings <i>Sam Holdings Corporation</i>		-			24.000.000	8%	Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Tran Viet Anh is the Chairman of the Board of Directors</i>
4.13	Công ty CP Dịch vụ Du lịch Phú Thọ <i>Phu Tho Tourism Services Joint Stock Company</i>		-			-	0%	Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Tran Viet Anh is the Chairman of the Board of Directors</i>
4.14	Công ty CP Công viên nước Đầm Sen <i>Dam Sen Water Park Corporation</i>		-			-	0%	Ông Trần Việt Anh là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Tran Viet Anh is the Chairman of the Board of Directors</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
4.15	Công ty CP Địa Ốc Sacom <i>Sacom Land Corporation</i>		-			-	0%	Ông Trần Việt Anh là Thành viên HĐQT <i>Mr. Tran Viet Anh is the Chairman of the Board of Directors</i>
5.	Nguyễn Văn Thiên <i>Nguyen Van Thien</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			1.313.000	0,4377%	-
5.1	Đặng Thị Mười <i>Dang Thi Muoi</i>		-			202.000	0,0673%	Vợ <i>Wife</i>
5.2	Nguyễn Thị Ngọc Thanh <i>Nguyen Thi Ngoc Thanh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
5.3	Nguyễn Thành Đông <i>Nguyen Thanh Dong</i>		-			-	0%	Con rể <i>Son-in-law</i>
5.4	Nguyễn Thị Sánh <i>Nguyen Thi Sanh</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Older Sister</i>
5.5	Thạch Cao <i>Thach Cao</i>		-			-	0%	Anh rể <i>Brother-in-law</i>
5.6	Nguyễn Nghĩa Hiệp <i>Nguyen Nghia Hiep</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sibling</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
5.7	Võ Thị Thành <i>Vo Thi Thanh</i>		-			-	0%	Em dâu <i>Sister-in-law</i>
5.8	Nguyễn Thành Ngọc <i>Nguyen Thanh Ngoc</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sibling</i>
5.9	Nguyễn Thị Bé Hà <i>Nguyen Thi Be Ha</i>		-			-	0%	Em dâu <i>Sister-in-law</i>
5.10	Nguyễn Ngọc Diệp <i>Nguyen Ngoc Diep</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger sibling</i>

014
IG CÔ
ÂN XI
T NH
INH D
CÔNG
CỔ P
N AN-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
5.11	Nguyễn Thị Ngọc Thu <i>Nguyen Thi Ngoc Thu</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger sibling</i>
5.12	Nguyễn Văn Vẽ <i>Nguyen Van Ve</i>		-			-	0%	Em rể <i>Brother-in-law</i>
5.13	Nguyễn Ngọc Hồ <i>Nguyen Ngoc Ho</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger sibling</i>
5.14	Công ty CP Tổng Công ty Nước – Môi trường tỉnh Bình Dương <i>Binh Duong Water - Environment Corporation - Joint Stock Company</i>		-			12.000.000	4%	Ông Nguyễn Văn Thiên là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Nguyen Van Thien is the Chairman of the Board of Directors</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
5.15	Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Chánh Phủ Hòa <i>Chanh Phu Hoa Joint Stock Construction And Investment Company</i>		-			-	0%	Ông Nguyễn Văn Thiên là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Nguyen Van Thien is the Chairman of the Board of Directors</i>
5.16	Công ty CP Cấp nước Đồng Nai <i>Dong Nai Water Joint Stock Company</i>		-			-	0%	Ông Nguyễn Văn Thiên là TV HĐQT <i>Mr. Nguyen Van Thien is a Member of the Board of Directors</i>
5.17	Công ty CP Cấp thoát nước Cần Thơ <i>Can Tho Water Supply - Sewerage Joint Stock Company</i>		-			-	0%	Ông Nguyễn Văn Thiên là TV HĐQT <i>Mr. Nguyen Van Thien is a Member of the Board of Directors</i>
5.18	Công ty CP Đầu tư Nước Tân Hiệp <i>Tan Hiep Water Investment</i>					-	0%	Ông Nguyễn Văn Thiên là TV HĐQT <i>Mr. Nguyen Van Thien is a Member of the</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	<i>Joint Stock Company</i>							<i>Board of Directors</i>
6.	Trần Chiến Công <i>Tran Chien Cong</i>		Thành viên HĐQT <i>Member of the Board of Directors</i>			-	0%	
6.1	Trần Công Chiến <i>Tran Cong Chien</i>		-			-	0%	Bố ruột <i>Biological father</i>
6.2	Nguyễn Thị Hong Châu <i>Nguyen Thi Ngoc Chau</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological mother</i>
6.3	Trần Văn Ván <i>Tran Van Van</i>		-			-	0%	Bố vợ <i>Father-in-law</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
6.4	Trần Tuyết Lan <i>Tran Tuyen Lan</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
6.5	Trần Nhật Minh <i>Tran Nhat Minh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
6.6	Trần Đình Khoa <i>Tran Dinh Khoa</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
6.7	Trần Hoàng Hân <i>Tran Hoang Han</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological younger sibling</i>

6-C
Y
HÀU
G
H DƯ

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
6.8	Huỳnh Thị Mai Hân <i>Huỳnh Thị Mai Han</i>		-			-	0%	Em dâu <i>Younger sister- in-law</i>
6.9	Trần Thị Cẩm Tú <i>Tran Thi Cam Tu</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological younger sibling</i>
6.10	Vương Hữu Thọ <i>Vuong Huu Tho</i>		-			-	0%	Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
6.11	Trần Thị Châu Giang <i>Tran Thi Chau Giang</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological younger sibling</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
6.12	Võ Minh Tuấn <i>Vo Minh Tuan</i>		-			-	0%	Em rể <i>Younger brother-in-law</i>
6.13	Công ty CP Tổng Công ty Nước – Môi trường tỉnh Bình Dương <i>Binh Duong Water - Environment Corporation - Joint Stock Company</i>		-			12.000.000	4%	Ông Trần Chiến Công là PCT HĐQT – TGD <i>Mr. Tran Chien Cong is the Vice Chairman of the Board of Directors and General Director</i>
6.14	Công ty CP Nước Bivase - Long An <i>Bivase - Long An Water Joint - Stock Company</i>		-			-	0%	Ông Trần Chiến Công là Chủ tịch HĐQT <i>Mr. Tran Chien Cong is the Chairman of the Board of Directors</i>
6.15	Công ty CP Đầu Tư Xây Dựng Chánh Phủ Hòa		-			-	0%	Ông Trần Chiến Công là TV HĐQT <i>Mr. Tran Chien Cong is a</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân Name of Organization/ Individual	Tài khoản giao dịch CK Securities Trading Account	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) Position at the Corporation (if any)	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Registered Office Address/ Contact Address	Số CP sở hữu cuối kỳ Number of Shares Owned at the End of the Period	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ Shareholding Ratio at the End of the Period	Ghi chú Notes
	Chanh Phu Hoa Joint Stock Construction And Investment Company							member of the Board of Directors
6.16	Công ty CP Cấp nước Cần Thơ 2 Can Tho 2 Water Supply Joint Stock Company		-			-	0%	Ông Trần Chiến Công là TV HĐQT Mr. Tran Chien Cong is a member of the Board of Directors
6.17	Công ty CP Đầu tư Nước Tân Hiệp Tan Hiep Water Investment Joint Stock Company					-	0%	Ông Trần Chiến Công là TV HĐQT Mr. Tran Chien Cong is a member of the Board of Directors
7.	Trần Hồng Khôi Tran Hong Khoi		Thành viên HĐQT Member of the Board of Directors			5.500	0,0018%	-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
7.1	Trần Minh Toán <i>Tran Minh Toan</i>		-			-	0%	Cha ruột <i>Biological Father</i>
7.2	Trần Thị Chạng <i>Tran Thi Chang</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>
7.3	Đoàn Thị Mình Hiệp <i>Doan Thi Minh Hiep</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
7.4	Trần Nhật Trung <i>Tran Nhat Trung</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>

100
SẢN
ẤT NI
BÌNH
CÓ
CÓ
AN A

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
7.5	Trần Bảo Ngọc <i>Tran Bao Ngoc</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
7.6	Trần Thị Hoa Lan <i>Tran Thi Hoa Lan</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Elder Sister</i>
7.7	Trần Thanh Vũ <i>Tran Thanh Vu</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sister</i>
7.8	Trần Thị Tuyết Mai <i>Tran Thi Tuyen Mai</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sister</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
7.9	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương <i>Binh Duong Project Investment and Management Company Limited</i>		Công ty mẹ <i>Parent Company</i>			182.927.40 0	60,9758%	Ông Trần Hồng Khôi là Phó Tổng Giám đốc <i>Mr. Tran Hong Khoi is Deputy General Director</i>
8.	Nguyễn Văn Hiên Phúc <i>Nguyen Van Hien Phuc</i>		TV Độc lập HĐQT <i>Independent Member of the Board of Directors</i>			-	0%	-
8.1	Nguyễn Văn Giút <i>Nguyen Van Giut</i>		-			-	0%	Ba ruột <i>Biological Father</i>
8.2	Nguyễn Ngọc Tuấn <i>Nguyen Ngoc Tuan</i>		-			-	0%	Ba vợ <i>Father-in-law</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
8.3	Nguyễn Thị Kim Liên <i>Nguyen Thi Kim Lien</i>		-			-	0%	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
8.4	Nguyễn Thị Hiếu Hạnh <i>Nguyen Thi Hieu Hanh</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Older Sister</i>
8.5	Nguyễn Thị Đức Hạnh <i>Nguyen Thi Duc Hanh</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Older Sister</i>
8.6	Nguyễn Văn Hiếu Phúc <i>Nguyen Van Hieu Phuc</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Older Brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
8.7	Nguyễn Thị Hiền Hạnh <i>Nguyen Thi Hien Hanh</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Older Sister</i>
8.8	Nguyễn Văn Hồng Phúc <i>Nguyen Van Hong Phuc</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sibling</i>
8.9	Nguyễn Thị Ngọc Trâm <i>Nguyen Thi Ngoc Tram</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
8.10	Nguyễn Đình Quốc <i>Nguyen Dinh Quoc</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
8.11	Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex - CTCP <i>Becamex Investment And Industrial Development Group</i>		-			-	0%	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc là TV. HĐQT <i>Mr. Nguyen Van Hien Phuc is a Member of the Board of Directors</i>
8.12	Công ty luật TNHH B.C.M <i>Becamex Law Firm Company Limited</i>		-			-	0%	Ông Nguyễn Văn Hiền Phúc là Giám đốc <i>Mr. Nguyen Van Hien Phuc is the Director</i>
9.	Nguyễn Ngọc Trường Long <i>Nguyen Ngoc Truong Long</i>		Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>			23.000	0,0077%	-
9.1	Nguyễn Ngọc Tư <i>Nguyen Ngoc Tu</i>		-			-	0%	Cha ruột <i>Biological Father</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
9.2	Võ Lệ Nga <i>Vo Le Nga</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>
9.3	Huỳnh Thị Ngọc Diệp <i>Huynh Thi Ngoc Diep</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
9.4	Nguyễn Huỳnh Gia Khánh <i>Nguyen Huynh Gia Khanh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
9.5	Nguyễn Huỳnh Mỹ Kim <i>Nguyen Huynh My Kim</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
9.6	Nguyễn Ngọc Mỹ Nhân <i>Nguyen Ngoc My Nhan</i>		-			3.000	0,0010%	Chị ruột <i>Elder sister</i>
9.7	Nguyễn Ngọc Mỹ Thương <i>Nguyen Ngoc My Thuong</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger sister</i>
9.8	Nguyễn Ngọc Mỹ Nhi <i>Nguyen Ngoc My Nhi</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger sister</i>
9.9	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương <i>Binh Duong Project Investment and Management</i>		Công ty mẹ <i>Parent company</i>			182.927.40 0	60,9758%	Ông Nguyễn Ngọc Trường Long là Trưởng BKS <i>Mr. Nguyen Ngoc Truong Long is Head of the</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	<i>Company Limited</i>							<i>Supervisory Board</i>
10.	Trần Ánh Ngọc <i>Tran Anh Ngoc</i>		Trưởng BKS <i>Head of the Supervisory Board</i>			-	0%	-
10.1	Trần Ngọc Hải <i>Tran Ngoc Hai</i>		-			-	0%	Bố ruột <i>Biological father</i>
10.2	Ngô Thị Ba <i>Ngo Thi Ba</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological mother</i>
10.3	Nguyễn Trọng Nghĩa <i>Nguyen Trong Nghia</i>		-			-	0%	Chồng <i>Husband</i>

37001
TỔNG C
SẢN
IẤT NH
BÌNH I
CÔN
CỔ
AN AN

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
10.4	Nguyễn Hải Nam <i>Nguyen Hai Nam</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
10.5	Nguyễn Anh Kiệt <i>Nguyen Anh Kiet</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
10.6	Nguyễn Hải Phúc <i>Nguyen Hai Phuc</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
10.7	Trần Anh Tuấn <i>Tran Anh Tuan</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Older brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
10.8	Trần Anh Tú <i>Tran Anh Tu</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Older brother</i>
10.9	Nguyễn Văn Hải <i>Nguyen Van Hai</i>		-			-	0%	Bố chồng <i>Father-in-law</i>
10.10	Nguyễn Thị Yên <i>Nguyen Thi Yen</i>		-			-	0%	Mẹ chồng <i>Mother-in-law</i>
10.11	Nguyễn Nhất Linh <i>Nguyen Nhat Linh</i>		-			-	0%	Anh chồng <i>Elder brother- in-law</i>

148
CÔNG
XUẤT
IẬP K
DUON
G TY
PHÂN
T. B. W

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
10.12	Nguyễn Thành Nhân <i>Nguyen Thanh Nhan</i>		-			-	0%	Anh chồng <i>Elder brother- in-law</i>
10.13	Nguyễn Thúy Hằng <i>Nguyen Thuy Hang</i>		-			-	0%	Em chồng <i>Younger brother-in-law</i>
10.14	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương <i>Binh Duong Project Investment and Management Company Limited</i>		Công ty mẹ <i>Parent Company</i>			182.927.40 0	60,9758%	Bà Trần Ánh Ngọc là Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính <i>Ms. Tran Anh Ngoc is the Head of the Organization and Administration Department</i>
11.	Trần Thị Tuyết Nga <i>Tran Thi Tuyet Nga</i>		Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>			10.000	0,0033%	-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
11.5	Nguyễn Trung Trực <i>Nguyen Trung Truc</i>		-			-	0%	Con <i>Child</i>
11.6	Nguyễn Thụy Ngọc Hân <i>Nguyen Thụy Ngoc Han</i>		-			-	0%	Con <i>Child</i>
11.7	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Quản lý Dự án Bình Dương <i>Binh Duong Project Investment and Management Company Limited</i>		Công ty mẹ <i>Parent company</i>			182.927.40 0	60,9758%	Bà Trần Thị Tuyết Nga là Phó phòng Tài chính - Kế hoạch <i>Ms. Tran Thi Tuyet Nga is Deputy Head of Finance - Planning Department</i>
12.	Lê Văn Minh <i>Le Van Minh</i>		Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>			-	0%	-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
12.1	Nguyễn Thị Minh Hôn <i>Nguyen Thi Minh Hon</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
12.2	Lê Đức Anh <i>Le Duc Anh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
12.3	Lê Trung Nhật <i>Le Trung Nhat</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological child</i>
12.4	Châu Thị Thảo <i>Chau Thi Thao</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological mother</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
12.5	Phan Thị Huệ <i>Phan Thi Hue</i>		-			-	0%	Mẹ vợ <i>Mother-in-law</i>
12.6	Lê Văn Việt <i>Le Van Viet</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Biological brother</i>
12.7	Lê Văn Thân <i>Le Van Than</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Elder Brother</i>
12.8	Lê Văn Trí <i>Le Van Tri</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Elder Brother</i>
12.9	Lê Văn Cảnh <i>Le Van Canh</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
12.10	Lê Thị Tuyết Nhưng <i>Le Thi Tuyen Nhung</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Brother</i>
12.11	Lê Văn Hải <i>Le Van Hai</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Brother</i>
12.12	Nguyễn Ngô Thu Trúc <i>Nguyen Ngo Thu Truc</i>		-			-	0%	Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
12.13	Vương Thị Bích Hương <i>Vuong Thi Bich Huong</i>		-			-	0%	Chị dâu <i>Sister-in-law</i>

1001
ÔNG C
SẢN
JATT N
BÌNH
C
HUÂN

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
12.14	Lê Thị Mỹ Loan <i>Le Thi My Loan</i>		-			-	0%	Chị dâu <i>Sister-in-law</i>
12.15	Phạm Thị Kim Oanh <i>Pham Thi Kim Oanh</i>		-			-	0%	Em dâu <i>Sister-in-law</i>
12.16	Võ Đình Chương <i>Vo Dinh Chuong</i>		-			-	0%	Em rể <i>Brother-in-law</i>
12.17	Dương Thị Rôi <i>Duong Thi Roi</i>		-			-	0%	Em dâu <i>Sister-in-law</i>
12.18	Công ty CP Địa Ốc Sacom <i>Sacom Land Corporation</i>		-			-	0%	Ông Lê Văn Minh là Trưởng BKS <i>Mr. Le Van Minh is the Head of the</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
								Supervisory Board
12.19	Công ty Cổ phần Dây và Cáp SACOM <i>Sacom Wires And Cables Joint Stock Company</i>		-			-	0%	Ông Lê Văn Minh là Thành viên HĐQT <i>Mr. Le Van Minh is a Member of the Board of Directors</i>
12.20	Công ty Cổ phần SACOM - Tuyền Lâm <i>Sacom - Tuyen Lam Joint Stock Company</i>		-			-	0%	Ông Lê Văn Minh là Trưởng BKS <i>Mr. Le Van Minh is the Head of the Supervisory Board</i>
12.21	Công ty Cổ phần Liên doanh Cảng Quốc Tế Mỹ Thủy <i>My Thuy International Port Joint Venture Company</i>		-			-	0%	Ông Lê Văn Minh là Thành viên HĐQT <i>Mr. Le Van Minh is a Member of the Board of Directors</i>
12.22	Công ty Cổ phần Tập Đoàn LEC		-			-	0%	Ông Lê Văn Minh là P. TGD <i>Mr. Le</i>

4816
CÔNG
XUẤT
HẬP V
DUCH
NG T
S PHÁ
4N-T.B

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	LEC Group Corporation							<i>Van Minh is Deputy General Director</i>
13.	Cao Hoàng Đề <i>Cao Hoang De</i>		Thành viên BKS <i>Member of the Supervisory Board</i>			-	0%	-
13.1	Cao Hoàng Vinh <i>Cao Hoang Vinh</i>		-			-	0%	Cha ruột <i>Biological Father</i>
13.2	Nguyễn Thị Ninh <i>Nguyen Thi Ninh</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
13.3	Phạm Thị Xuân Hòa <i>Pham Thi Xuan Hoa</i>		-			15.000	0,005%	Vợ <i>Wife</i>
13.4	Cao Minh Trí <i>Cao Minh Tri</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
13.5	Cao Hoàng Thảo Vy <i>Cao Hoang Thao Vy</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
13.6	Cao Hoàng Vương <i>Cao Hoang Vuong</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Sibling</i>
13.7	Cao Thị Hoàng Nga <i>Cao Thi Hoang Nga</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological sister</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
13.8	Cao Thị Hoàng Quyên <i>Cao Thị Hoang Quyên</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological sister</i>
13.9	Cao Thị Hoàng Trình <i>Cao Thị Hoang Trinh</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological brother</i>
13.10	Cao Hoàng Toàn <i>Cao Hoang Toan</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological brother</i>
13.11	Cao Hoàng Quốc <i>Cao Hoang Quoc</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Biological brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
13.12	Công ty CP Cấp nước Gia Tân <i>Gia Tan Water Joint Stock Company</i>		-			-	0%	Ông Cao Hoàng Đề là Kế Toán trưởng <i>Mr. Cao Hoang De is the Chief Accountant</i>
14.	Huỳnh Hữu Hùng <i>Huynh Huu Hung</i>		Phó Tổng Giám đốc <i>Deputy General Director</i>			105.000	0,035%	-
14.1	Huỳnh Hữu Mười <i>Huynh Huu Mười</i>		-			-	0%	Bố ruột <i>Biological father</i>
14.2	Huỳnh Thị Thúy Hải <i>Huynh Thi Thuy Hai</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Elder Sister</i>
14.3	Huỳnh Minh Mạnh		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Brother</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	Huỳnh Minh Manh							
14.4	Huỳnh Thị Anh Phương <i>Huynh Thi Anh Phuong</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sister</i>
14.5	Huỳnh Hữu Hân <i>Huynh Huu Han</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Sister</i>
14.6	Lê Thị Hậu <i>Le Thi Hau</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
14.7	Huỳnh Hữu Nghĩa <i>Huynh Huu Nghia</i>		-			-	0%	Con <i>Child</i>
14.8	Huỳnh Hữu Gia Nguyễn <i>Huynh Huu Gia Nguyen</i>		-			-	0%	Con <i>Child</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
14.9	Công ty TNHH MTV Quốc tế <i>Protrade Protrade International One Member Company Limited</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Huỳnh Hữu Hùng là Thành viên HĐTV <i>Mr. Huynh Huu Hung is a Member of the Members' Council</i>
14.10	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào <i>Dau Tieng Viet Lao Rubber Joint Stock Company</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Huỳnh Hữu Hùng là Thành viên HĐQT <i>Mr. Huynh Huu Hung is a Member of the Board of Directors</i>
14.11	Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé <i>Palm - Song Be Golf Company Limited</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Huỳnh Hữu Hùng là Thành viên HĐTV <i>Mr. Huynh Huu Hung is a Member of the Members' Council</i>
14.12	Công ty TNHH MTV Giấy Vĩnh Phú <i>Vinh Phu Paper</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Huỳnh Hữu Hùng là Giám đốc

00
NG C
AN 2
NH D
CÔNG
CỔ P
AN-7

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
	<i>Company Limited</i>							<i>Mr. Huynh Huu Hung is the Director</i>
15.	Nguyễn Minh Triết <i>Nguyen Minh Triet</i>		Giám đốc Tài chính <i>Chief Financial Officer</i>			-	0%	
15.1	Công ty TNHH Sân Golf Palm - Sông Bé <i>Palm - Song Be Golf Company Limited</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Nguyễn Minh Triết là Kiểm soát viên <i>Mr. Nguyen Minh Triet is a Controller</i>
15.2	Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An <i>Thuan An General Trading Joint Stock Company</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Nguyễn Minh Triết là Trưởng Ban Kiểm soát <i>Mr. Nguyen Minh Triet is the Head of the Supervisory Board</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
15.3	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào <i>Dau Tieng Viet Lao Rubber Joint Stock Company</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Ông Nguyễn Minh Triết là Thành viên BKS <i>Mr. Nguyen Minh Triet is a Member of the Supervisory Board</i>
15.4	Công ty CP Hưng Vượng <i>Prosper Joint Stock Company</i>		Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture - Affiliate Company</i>			-	0%	Ông Nguyễn Minh Triết là Thành viên BKS <i>Mr. Nguyen Minh Triet is a Member of the Supervisory Board</i>
15.5	Công ty CP Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Hạnh Phúc <i>Hanh Phuc International Multi-Specialty Hospital Joint Stock Company</i>		Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture - Affiliate Company</i>			-	0%	Ông Nguyễn Minh Triết là Thành viên BKS <i>Mr. Nguyen Minh Triet is a Member of the Supervisory Board</i>
16.	Nguyễn Thị Kim Phượng <i>Nguyen Thi Kim Phuong</i>		Kế toán trưởng <i>Chief Accountant</i>			7.000	0,0023%	-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
16.1	Ngô Thị Hà <i>Ngô Thị Hà</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>
16.2	Nguyễn Vũ Linh <i>Nguyễn Vũ Linh</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Biological Brother</i>
16.3	Huỳnh Trọng Khanh <i>Huỳnh Trọng Khanh</i>		-			-	0%	Chồng <i>Husband</i>
16.4	Huỳnh Đạt Du <i>Huỳnh Đạt Du</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
16.5	Huỳnh Đạt Dũng <i>Huynh Dat Dung</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
16.6	Công ty CP Cao su Dầu Tiếng Việt Lào <i>Dau Tieng Viet Lao Rubber Joint Stock Company</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng là Trưởng BKS <i>Ms. Nguyen Thi Kim Phuong is the Head of the Supervisory Board</i>
16.7	Công ty TNHH MTV Quốc tế Protrade <i>Protrade International One Member Company Limited</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng là Kiểm Soát viên <i>Ms. Nguyen Thi Kim Phuong is a Supervisor</i>
16.8	Công ty CP Thương Mại Tổng Hợp Thuận An <i>Thuan An General Trading Joint Stock Company</i>		Công ty con <i>Subsidiary</i>			-	0%	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng là TV HĐQT <i>Ms. Nguyen Thi Kim Phuong is a Member of the Board of Directors</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
16.9	Công ty CP May Mặc Bình Dương <i>Protrade Garment Joint Stock Company</i>		Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture - Associate Company</i>			-	0%	Bà Nguyễn Thị Kim Phượng là TV BKS <i>Ms. Nguyen Thi Kim Phuong is a Member of the Supervisory Board</i>
17.	Lê Thị Thanh Thủy <i>Le Thi Thanh Thuy</i>		Người Phụ trách Quản Trị TCTY kiêm Thư ký HĐQT kiêm GD Pháp Lý <i>Person in Charge of Corporate Governance cum Secretary of the Board of Directors cum Legal Director</i>			-	0%	-
17.1	Lê Văn Hưởng <i>Le Van Huong</i>		-			-	0%	Cha ruột <i>Biological father</i>
17.2	Mai Văn Vĩnh <i>Mai Van Vinh</i>		-			-	0%	Chồng <i>Husband</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
17.3	Mai Duy Anh <i>Mai Duy Anh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
17.4	Lê Văn Đức <i>Le Van Duc</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Older Brother</i>
17.5	Lê Văn Trường <i>Le Van Truong</i>		-			-	0%	Anh ruột <i>Older Brother</i>
17.6	Lê Thị Thương <i>Le Thi Thuong</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Older Sister</i>



STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
17.7	Lê Thị Hương <i>Le Thi Huong</i>		-			-	0%	Chị ruột <i>Older Sister</i>
17.8	Công ty CP May Mặc Bình Dương <i>Protrade Garment Joint Stock Company</i>		Công ty liên doanh - liên kết <i>Joint Venture - Associate Company</i>			-	0%	Bà Lê Thị Thanh Thủy là Thư ký công ty kiêm Người phụ trách quản trị công ty và người được ủy quyền công bố thông tin <i>Ms. Le Thi Thanh Thuy is the Company Secretary, the Person in Charge of Corporate Governance, and the Authorized Person for Information Disclosure</i>
18.	Huỳnh Quốc Huy <i>Huynh Quoc Huy</i>		Người được ủy quyền CBTT <i>Authorized Person for Information Disclosure.</i>			12.000	0.004%	-

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>
18.1	Huỳnh Công Phát <i>Huynh Cong Phat</i>		-			4.200	0,0014%	Cha ruột <i>Biological Father</i>
18.2	Nguyễn Thị Lộc <i>Nguyen Thi Loc</i>		-			-	0%	Mẹ ruột <i>Biological Mother</i>
18.3	Phạm Nguyễn Thanh Vy <i>Pham Nguyen Thanh Vy</i>		-			-	0%	Vợ <i>Wife</i>
18.4	Huỳnh Phạm Ngân Anh <i>Huynh Pham Ngan Anh</i>		-			-	0%	Con ruột <i>Biological Child</i>
18.5	Huỳnh Quốc Duy <i>Huynh Quoc Duy</i>		-			-	0%	Em ruột <i>Younger Brother</i>

STT No.	Tên tổ chức/ cá nhân <i>Name of Organization/ Individual</i>	Tài khoản giao dịch CK <i>Securities Trading Account</i>	Chức vụ tại Tổng Công ty (nếu có) <i>Position at the Corporation (if any)</i>	Số Giấy NSH, ngày cấp nơi cấp <i>NSH Certificate Number, Issue Date, Place of Issue</i>	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Registered Office Address/ Contact Address</i>	Số CP sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Owned at the End of the Period</i>	Tỷ lệ sở hữu CP cuối kỳ <i>Shareholding Ratio at the End of the Period</i>	Ghi chú <i>Notes</i>

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Tổng Công ty:

2. Transactions of insiders and related parties concerning shares of the Corporation

Stt No.	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction Executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relation to Insider</i>	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ <i>Number of Shares Held at the Beginning</i>		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of Shares Held at the End</i>		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) <i>Reason for Increase/Decrease (purchase, sale, conversion, bonus...)</i>
			Số cổ phiếu <i>Number of Shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	Số cổ phiếu <i>Number of Shares</i>	Tỷ lệ <i>Percentage</i>	
1	Ông Huỳnh Hữu Hùng – Phó TGD <i>Mr. Huynh Huu Hung – Deputy General Director</i>		105.000	0,035%	44.400	0,0148%	Giảm tỷ lệ sở hữu <i>Decrease in Ownership Percentage</i>
2	Ông Huỳnh Quốc Huy – Người UQ CBTT <i>Mr. Huynh Quoc Huy – Authorized Information Disclosure Officer</i>		32.200	0,0107%	12.000	0,004%	Giảm tỷ lệ sở hữu <i>Reduction of Ownership Ratio</i>

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác:

IX. Other Matters to Note:

Không có./.

None.

Nơi nhận / Recipients:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
State Securities Commission;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
Hanoi Stock Exchange;
- HĐQT, Ban TGD, BKS;
*Board of Directors, Board of
Managment, Supervisory Board;*
- Lưu VT.
Archive.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ✓
CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS



Nguyễn An Định

C.P. * 20.